TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2023/DS-ST
Ngày: 05 - 6 - 2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Ánh

2. Ông Nguyễn Ngọc Tòng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp: "hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXX-ST ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP B.**

Trụ sở chính: số 210 Trần Quang X, phường T, quận K, TP. Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh: số 1, Trưng Nữ V, phường Y, TP. L, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Quốc T. Chức vụ: Chuyên viên khách hàng Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh V (có mặt).

- Ông Trần Kiên . Chức vụ: Giám đốc PGD Bình Tân Ngân hàng TMCP Bưu điện B - Chi nhánh V (vắng mặt).

- Ông Bùi Phi L. Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ tại Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh V (vắng mặt).

Địa chỉ: số A, T, phường A, TP ., tỉnh Vĩnh Long.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 11/4/2023).

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Nguyễn Thanh S1**, sinh năm 1966 (có mặt).

2.2. Bà **Mạc Thị T1**, sinh năm 1977 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 5 năm 2022 và và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh V (gọi tắt là Ngân hàng) đã phê duyệt Hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Thanh S1 và bà Mạc Thị T1. Ông S1 và bà T1 đã ký với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số HĐTD68D2020004 ngày 27/02/2020 thể hiện như sau: Số tiền vay 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*); thời hạn hiệu lực của hợp đồng cho vay là từ ngày 29/02/2020 đến hết ngày 29/02/2030; phương thức cho vay: cho vay từng lần; mục đích sử dụng vốn: tiêu dùng có tài sản đảm bảo (mua sắm đồ gia dụng); lãi suất cho vay ban đầu: lãi suất cho vay trong hạn là: 11,2%/năm, lãi suất cho vay này được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày và được dùng để tính lãi tiền vay trả cho Ngân hàng theo quy định tại hợp đồng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Theo đó, lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh được xác định như sau: Lãi suất định kỳ điều chỉnh không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu thông thường của L1 tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất điều chỉnh theo: (LScv = LScs + 5.95%/năm); lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng ông S1 và bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ; kể từ ngày 25/11/2021 khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để khách hàng trả nợ, tuy nhiên ông S1 và bà T1 vẫn không thực hiện theo cam kết. Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xem xét, giải quyết: Buộc ông Nguyễn Thanh S1 và bà Mạc Thị T1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng ông bà đã ký với Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 17/5/2023 là 312.324.347 đồng (trong đó gồm: nợ gốc 249.999.928 đồng, nợ lãi 50.894.539 đồng, phạt lãi quá hạn 3.792.518 đồng, phạt gốc quá hạn 7.637.362 đồng). Trường hợp ông Nguyễn Thanh S1 và bà Mạc Thị T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B, đề nghị Tòa án xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 004/2020/HĐTC/PGD Bình Tân ký ngày 27/02/2020 tại Văn phòng công chứng số 02 tỉnh Vĩnh Long vào số 679 quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD. Tài sản thế chấp bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 899405, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS06688 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh V cấp ngày 04/12/2019, cụ thể như sau: Thửa đất số 580, tờ bản đồ số 11, diện tích 478,0m^2, đất ở và trồng cây lâu năm (đất ở 50m^2, đất trồng cây lâu năm 428m^2) đất tọa lạc xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Thanh S1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có vật kiến trúc: nhà của ông S1, bà T1 (gồm: mái che trước: khung sắt tiền chế mái lợp tol, không trần, nền xi măng, không vách diện tích 23,85m^2; nhà chính: nhà bê tông cốt thép, mái tợp tol, có trần, nền gạch men, vách tường diện tích 141,27m^2; mái che bên hong: khung sắt tiền chế, mái tợp tol, không trần, nền gạch men, vách tol diện tích 53,37m^2; mái che nhà sau: khung sắt tiền chế, mái lợp tol, không trần, nền gạch men, vách tol diện tích 57,64m^2; hàng rào: móng trục đà bê tông cốt thép, tường xây gạch, rào song sắt diện tích 39,07m^2; 02 mộ đá có mái che và 02 mộ đá không có mái che) và trên đất có cây trồng: 02

cây mít trồng 03 năm, 02 cây dừa trồng 20 năm, 02 cây dừa trồng 30 năm. Ngoài ra, ông Nguyễn Thanh S1 và bà Mạc Thị T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B tiền lãi phát sinh theo quy định của Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/11/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thanh S1 và bà Mạc Thị T1 trình bày:

Vào ngày 27/02/2020 vợ chồng ông bà đã ký với Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh V Hợp đồng tín dụng số HDTD68D2020004 cụ thể như sau: Số tiền vay: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); Thời hạn vay tính từ ngày 29/02/2020 đến hết ngày 29/02/2030; Phương thức cho vay: cho vay từng lần; Mục đích sử dụng vốn: tiêu dùng có tài sản đảm bảo (mua sắm đồ gia dụng); Lãi suất vay hai bên thỏa thuận như trong hợp đồng tín dụng số HDTD68D2020004 ngày 27/02/2020. Khi vay ông bà có thế chấp tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 899405, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS06688 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh V cấp ngày 04/12/2019, thửa đất số 580, tờ bản đồ số 11, diện tích 478,0m^2, đất tọa lạc xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Thanh S1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông bà đã trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc hơn 50.000.000 đồng. Ông bà thừa nhận tính đến ngày 17/5/2023 còn nợ Ngân hàng TMCP B số tiền 312.324.347 đồng (trong đó gồm: nợ gốc 249.999.928 đồng, nợ lãi 50.894.539 đồng, phạt lãi quá hạn 3.792.518 đồng, phạt gốc quá hạn 7.637.362 đồng). Ông bà đồng ý trả Ngân hàng số tiền 312.324.347 đồng; nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình rất khó khăn không thể trả một lần cho phía Ngân hàng nên xin trả dần kể từ ngày 20/8/2023 mỗi tháng trả số tiền 30.000.000 đồng. Ông bà không đồng ý yêu cầu của Ngân hàng xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 004/2020/HĐTC/PGDBinhTan ký ngày 27/02/2020 tại Văn phòng công chứng số 02 tỉnh Vĩnh Long vào số 679 quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD. Tài sản thế chấp bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 899405, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS06688 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh V cấp ngày 04/12/2019 đối với thửa đất số 580, tờ bản đồ số 11, diện tích 478,0m^2, đất tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Thanh S1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất vật kiến trúc: nhà của ông S1, bà T1 (gồm: mái che trước: khung sắt tiền chế mái lợp tol, không trần, nền xi măng, không vách diện tích 23,85m^2; nhà chính: nhà bê tông cốt thép, mái tợp tol, có trần, nền gạch men, vách tường diện tích 141,27m^2; mái che bên hong: khung sắt tiền chế, mái tợp tol, không trần, nền gạch men, vách tol diện tích 53,37m^2; mái che nhà sau: khung sắt tiền chế, mái lợp tol, không trần, nền gạch men, vách tol diện tích 57,64m^2; hàng rào: móng trục đà bê tông cốt thép, tường xây gạch, rào song sắt diện tích 39,07m^2; 02 mộ đá có mái che và 02 mộ đá không có mái che) và trên đất có cây trồng: 02 cây mít trồng 03 năm, 02 cây dừa trồng 20 năm, 02 cây dừa trồng 30 năm. Vì đây là chỗ ở duy nhất của gia đình ông bà, nếu phát mãi tài sản này thì gia đình ông bà không còn chỗ ở.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP B là ông Nguyễn Quốc T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Thanh S1 và bà Mạc Thị T1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay còn nợ tính đến ngày 05/6/2023 là 313.874.123 đồng (trong đó gồm: nợ gốc

249.999.922 đồng, nợ lãi 51.606.703 đồng, phạt lãi quá hạn 4.055.304 đồng, phạt gốc quá hạn 8.212.194 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp ông S1 và bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 004/2020/HĐTC/PGDBinhTan ngày 27/02/2020.

Ông Nguyễn Thanh S1 và bà Mạc Thị T1 thừa nhận đến ngày 05/6/2023 ông bà còn nợ Ngân hàng số tiền 313.874.123 đồng, xin được trả dần từ ngày 20/8/2023 hàng tháng trả 30.000.000 đồng/tháng. Nếu không thực hiện đúng cam kết thì đồng ý yêu cầu phát mãi tài sản của Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; áp dụng các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 322, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; áp dụng các Điều 3, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B. Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh S1 và bà Mạc Thị T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 05/6/2023 là 313.874.123 đồng (trong đó gồm: nợ gốc 249.999.922 đồng, nợ lãi 51.606.703 đồng, phạt lãi quá hạn 4.055.304 đồng, phạt gốc quá hạn 8.212.194 đồng) và ông S1 bà T1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 06/6/2023 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng. Trường hợp ông Nguyễn Thanh S1 và bà Mạc Thị T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 580, tờ bản đồ số 11, diện tích 478,0m^2, đất tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Thanh S1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các tài sản, vật kiến trúc trên đất theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 004/2020/HĐTC/PGDBinhTan ngày 27/02/2020 giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Thanh S1 và bà Mạc Thị T1 được công chứng tại Phòng C ngày 27/02/2020 và được đăng ký thế chấp của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Vĩnh Long theo hồ sơ số 0073.2.TC.432 ngày 28/02/2020.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn Thanh S1 và bà Mạc Thị T1 phải chịu 700.000 đồng. Do Ngân hàng TMCP B đã nộp xong số tiền 700.000 đồng, nên buộc ông S1, bà T1 hoàn trả Ngân hàng TMCP B số tiền 700.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Thanh S1 và bà Mạc Thị T1 phải nộp 15.694.000 đồng. Hoàn trả Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.620.000 đồng theo biên lai thu số 0013803 ngày 12/10/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh S1 và bà Mạc Thị T1 trả số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD68D2020004 ngày 27/02/2020; bị đơn có nơi cư trú ở huyện B; mục đích sử dụng vốn: tiêu dùng có tài sản đảm bảo (mua sắm đồ gia dụng) phục vụ nhu cầu đời sống; quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét vào ngày 27/02/2020 giữa Ngân hàng TMCP B và ông Nguyễn Thanh S1, bà Mạc Thị T1 đã ký Hợp đồng tín dụng số HĐTD68D2020004 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 004/2020/HĐTC/PGDBinhTan. Việc ký kết các Hợp đồng giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, các thỏa thuận vay tiền không trái pháp luật. Bị đơn ông S1, bà T1 thừa nhận có ký Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên, nên đây được xem là tình tiết, văn bản mà nguyên đơn không phải chứng minh, quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do ông Nguyễn Thanh S1, bà Mạc Thị T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận; tính đến ngày 05/6/2023 số tiền còn nợ phải trả là 313.874.123 đồng (trong đó gồm: nợ gốc 249.999.922 đồng, nợ lãi 51.606.703 đồng, phạt lãi quá hạn 4.055.304 đồng, phạt gốc quá hạn 8.212.194 đồng) nên yêu cầu của Ngân hàng B là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Mặt khác, ông S1 và bà T1 còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 06/6/2023 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng HĐTD68D2020004 ngày 27/02/2020.

Trường hợp ông S1 và bà T1 không trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 004/2020/HĐTC/PGDBinhTan ngày 27/02/2020 là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 580, tờ bản đồ số 11, diện tích 478,0m^2, đất tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Thanh S1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất để đảm bảo việc thu hồi nợ.

Ông Nguyễn Thanh S1 và bà Mạc Thị T1 có ý kiến do hoàn cảnh khó khăn, ông bà không thể trả một lần cho Ngân hàng và xin trả dần kể từ ngày 20/8/2023 mỗi tháng trả 30.000.000 đồng. Ý kiến này của ông bà không được đại diện Ngân hàng chấp nhận nên chưa có cơ sở để xem xét cho ông bà.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn Thanh S1 và bà Mạc Thị T1 phải chịu 700.000 đồng. Do Ngân hàng TMCP B đã nộp xong số tiền 700.000 đồng, nên buộc ông S1, bà T1 có nghĩa vụ hoàn trả Ngân hàng TMCP B số tiền 700.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Thanh S1, bà Mạc Thị T1 phải nộp 15.694.000 đồng. Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 322, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 3, 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, 144, 147, 157, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B do ông Nguyễn Quốc Trung đại d.

1.1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh S1 và bà Mạc Thị T1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ Ngân hàng TMCP B theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD68D2020004 ngày 27/02/2020 tính đến ngày 05/6/2023 là 313.874.123 đồng (*Ba trăm mười ba triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm hai mươi ba đồng*) (trong đó gồm: nợ gốc 249.999.922 đồng, nợ lãi 51.606.703 đồng, phạt lãi quá hạn 4.055.304 đồng, phạt gốc quá hạn 8.212.194 đồng).

1.2. Ông Nguyễn Thanh S1 và bà Mạc Thị T1 còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP B theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HĐTD68D2020004 ngày 27/02/2020 kể từ ngày 06/6/2023 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

1.3. Trường hợp ông Nguyễn Thanh S1 và bà Mạc Thị T1 không trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 004/2020/HĐTC/PGDBinhTan ngày 27/02/2020 là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 580, tờ bản đồ số 11, diện tích 478,0m^2, đất tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Thanh S1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất để đảm bảo việc thu hồi nợ.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn Thanh S1 và bà Mạc Thị T1 phải chịu 700.000 đồng. Do Ngân hàng TMCP B đã nộp xong số tiền 700.000 đồng, nên buộc ông S1, bà T1 hoàn trả Ngân hàng TMCP B số tiền 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Nguyễn Thanh S1 và bà Mạc Thị T1 phải nộp 15.694.000 đồng (*Mười lăm triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

3.2. Hoàn trả Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 6.620.000 đồng (*Sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0013803 ngày 12/10/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;(đã ký)
- Lưu.

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Kim Ngân